

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Kiêm L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/02/2022 nguyên đơn ông Huỳnh C trình bày như sau:

Vào ngày 21/01/2011 ông và bà Kiêm L có kết hôn với nhau, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình chung sống vợ chồng ông có hai con chung tên Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016, hiện nay hai cháu đang

sống chung với ông. Vợ chồng ông không có tài sản chung, có nợ chung nhưng vợ chồng ông tự thỏa thuận. Hai vợ chồng ông đã ly thân với nhau từ ngày 01/01/2019 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người xây dựng cuộc sống riêng. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: ông Huỳnh C yêu cầu được ly hôn với bà Kiêm L.

Về con chung: Ông C nhường quyền nuôi hai con chung là Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016. Ông chịu cấp dưỡng nuôi con đến đủ 18 tuổi. Tự thỏa thuận cấp dưỡng 750.000 đồng/người/tháng x 02 = 1.500.000 đồng/tháng và không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết

Về nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông C xin được vắng mặt tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập.

2/ Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Kiêm L lập ngày 26/7/2022, bà Loan trình bày như sau:

Bà là người dân tộc Khmer nhưng sử dụng tiếng Việt rành nên không yêu cầu người phiên dịch. Hiện nay bà đang đi làm công nhận tại công ty Sao Ta, bà ở nhà trọ số khóm E, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi làm thì bà cũng thường xuyên về nhà, một tháng về nhà vài lần để thăm con. Trước đây Tòa án có gửi thông báo thụ lý vụ án theo địa chỉ tại nhà trọ thì bà có nhận được. Các văn bản Tòa án đã gửi cho gia đình bên chồng bà nhận được thì đều có thông báo lại cho bà biết nhưng do bà bận đi làm không có về tham gia được. Theo như ông C trình bày hai vợ chồng bà kết hôn vào tháng 01/2011 và có hai đứa con chung H và Đ là đúng. Ông C yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý, ông C muốn làm gì thì làm. Trường hợp ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì bà thống nhất ý kiến của ông C về con chung, cũng như thống nhất việc ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho hai đứa là 1.500.000 đồng. Bà và ông C đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, do ông C cũng quan người khác. Hai vợ chồng bà thì không có tài sản chung, cũng không có nợ chung. Bà không có yêu cầu gì về tài sản chung, nợ chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng. vì hiện nay bà cũng đi làm có công việc ổn định. Trường hợp ông C thay đổi ý kiến yêu cầu nuôi hai đứa con thì bà không đồng ý, bà yêu cầu được nuôi hai đứa con và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Bà yêu cầu Tòa án gửi giấy tờ cho bên gia đình chồng tại khóm V, phường M, thị xã N nhận dùm bà, gia đình chồng sẽ thông báo lại cho bà. Bà cũng bận đi làm nên xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho ông Huỳnh C ly hôn với bà Kiêm L. Về con chung đề nghị giao hai con chung tên Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016 cho bà Kiêm L nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh C cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa một tháng là 750.000 đồng đến khi cháu H và cháu Đ đủ 18 tuổi. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh C và bị đơn bà Kiêm L vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/01/2011 ông Huỳnh C và bà Kiêm L là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, ông C cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người muốn xây dựng cuộc sống riêng. Cho nên ông C và bà L đã ly thân với nhau từ ngày 01/01/2019 đến nay. Còn bà L thì cho rằng bà và ông C đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay do ông C đã quen với người khác, bà cũng không có yêu cầu xử lý gì nhưng việc ông C yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông C và bà L đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà L đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau để cùng nhau chăm sóc con chung thể hiện là từ khoảng năm 2017 đến nay ông C và bà L đã ly thân với nhau, nay ông C nhất định yêu cầu ly hôn với bà L, bà L không đồng ý nhưng không có làm ông C thay đổi yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của ông C.

[3] Về con chung: ông Huỳnh C và bà Kiêm L có hai con chung là cháu Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016, theo đơn kiện thể hiện hai cháu H và Đ đang sống chung với cha ruột là ông C, nhưng thực chất thì hiện nay hai cháu đang được mẹ ruột là bà L chăm sóc. Bà L có yêu cầu nuôi hai con chung, ông C cũng thống nhất nhường quyền nuôi con cho bà L. Bên cạnh đó, cháu H hiện nay đã hơn 07 tuổi, có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn, khi ông C và bà L ly thân với nhau thì bà L vẫn cho các cháu đến trường học, các cháu được phát triển thể chất bình thường. Cho nên để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, đảm bảo môi trường phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông C và bà L về con chung giao cho bà L nuôi dưỡng hai con chung của ông bà đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh C, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông C thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn ông C có nêu trong đơn kiện là chịu cấp dưỡng nuôi con đến đủ 18 tuổi, tự thỏa thuận cấp dưỡng 750.000 đồng/người x 02 cháu = 1.500.000 đồng và không yêu cầu xem xét giải quyết. Nhưng theo bị đơn bà L trình bày có yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con như ông C nêu trong đơn kiện. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Nên việc bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức cấp dưỡng thì bà L cũng thống nhất với mức cấp dưỡng ông C đưa ra, mỗi cháu sẽ được cấp dưỡng hàng tháng 750.000 đồng đến đủ 18 tuổi. Cho nên Hội đồng xét xử cũng ghi nhận mức cấp dưỡng thỏa thuận giữa các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Huỳnh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng. Tổng án phí phải chịu là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Như vậy, ông Huỳnh C còn phải nộp thêm án phí số tiền 300.000 đồng. Bà Kiêm L không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh c.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh c được ly hôn với bà Kiêm L.

2/ Về con chung: Giao hai cháu cháu Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016 cho bà Kiêm L chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh C, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Huỳnh C cấp dưỡng nuôi hai cháu Huỳnh H, sinh ngày 10/12/2011 và Huỳnh Đ, sinh ngày 22/5/2016, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/8/2022 (ngày tuyên án) đến khi cháu H và cháu Đ đủ 18 (mười tám) tuổi, số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi cháu là 750.000đ (Bảy trăm năm chục ngàn đồng).

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng án phí phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002560 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông Huỳnh C còn phải nộp thêm án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Kiêm L không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường M, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng